

Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Nguyễn Minh Trí¹

¹ Trường Đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh.
Email: nm.tri@hutech.edu.vn

Nhận ngày 5 tháng 4 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 27 tháng 5 năm 2019.

Tóm tắt: Ngày nay, các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đều coi đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho sự phát triển không chỉ vì thế hệ hôm nay, mà còn vì thế hệ mai sau và xác định phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), giáo dục Việt Nam đứng trước nhiều khó khăn, thách thức khi nền giáo dục của chúng ta đang còn quá nặng về truyền tải kiến thức mà chưa hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực của người học; chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý chưa đồng đều; hệ thống cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế. Vấn đề đặt ra là Việt Nam cần có những giải pháp thích hợp để phát triển giáo dục đáp ứng những yêu cầu đặt ra cho công dân trong thời đại CMCN 4.0 [9].

Từ khóa: Giáo dục và đào tạo, nền giáo dục, cách mạng công nghiệp 4.0.

Phân loại ngành: Giáo dục học

Abstract: Today, countries in the world, including Vietnam, consider investments in education and training to be the investments in development not only for today's generation but also for future ones. They also deem that education and training development is the top national policy. In the context of the Fourth Industrial Revolution (IR 4.0), Vietnam's education sector faces many difficulties and challenges, being inclined too much to the transmission of knowledge rather than the development of the learners' qualities and capacities, and with the uneven quality of teachers and managers as well as limited material facilities. The country needs to have appropriate solutions to develop education to meet the requirements for citizens of the era of IR 4.0 [9].

Keywords: Education and training, education, industrial revolution 4.0.

Subject classification: Educational science

1. Mở đầu

Trong thời đại ngày nay, giáo dục và đào tạo là con đường hiệu quả nhất để con người tiếp cận kịp thời những thông tin mới nhất, cập nhật, làm giàu thêm nguồn tri thức và năng lực sáng tạo của mình; chỉ có thông qua giáo dục và đào tạo mới đào tạo, phát triển và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực trong xã hội. Chính vì vậy, từ xưa đến nay, mọi quốc gia, dân tộc trong quá trình phát triển, đều rất đề cao vai trò quan trọng của giáo dục; và ngày nay, người ta không chỉ coi giáo dục và đào tạo là hoạt động xã hội đặc biệt, là bộ phận của kiến trúc thượng tầng mà còn là yếu tố giữ vị trí nền tảng và vai trò động lực quyết định sự phát triển của kinh tế - xã hội; đầu tư giáo dục và đào tạo là đầu tư cho tương lai.

Hồ Chí Minh đã chỉ rõ vai trò quan trọng đặc biệt của giáo dục đối với việc đào tạo và phát triển con người, rằng: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” [5, tr.7]; và Người đã chỉ ra mục tiêu, sứ mệnh của giáo dục là: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại.” [5, tr.208].

Thấm nhuần tư tưởng đó, trong suốt quá trình cách mạng cũng như trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã luôn quan tâm đến phát triển giáo dục, đào tạo và khẳng định: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định để thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân” [1, tr.1]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã khẳng định: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá

trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn. Phát triển giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động” [2, tr.114-115]. Bài viết này phân tích những thành tựu, thách thức và giải pháp phát triển giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0.

2. Những thành tựu chủ yếu của giáo dục Việt Nam

Một là, về giáo dục mầm non.

Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2013-2014 cả nước mới có 18 tỉnh, thành phố được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi thì đến năm 2017, con số này là 63/63 tỉnh, thành; mạng lưới trường học, lớp học mầm non ngày càng phát triển, tỷ lệ trường lớp ngoài công lập tăng nhanh. Tỷ lệ huy động trẻ vượt chỉ tiêu ở tất cả các độ tuổi. Tháng 8/2018, Chính phủ đã thống nhất chủ trương thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non 5 tuổi và hỗ trợ đóng học phí cơ sở ngoài công lập đối với trẻ em diện phổ cập, nhất là đối với các thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa [7]. Chính sách này thể hiện sâu sắc ở những nỗ lực, quyết tâm nâng cao trình độ dân trí cho mọi tầng lớp nhân dân, mọi vùng miền cả nước được tiếp cận giáo dục, cũng như trợ giúp xã hội cho những người yếu thế để tạo ra sự phát triển nghĩa tình, nhân văn, công bằng và tiến bộ xã hội trong quá trình công

nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

Hai là, về giáo dục phổ thông.

Cơ sở vật chất của các trường phổ thông ngày càng được quan tâm nhiều hơn, từ đó quy mô giáo dục cũng ngày càng mở rộng. Nếu năm học 2010-2011, số lượng trường học là 28.593 trường thì đến năm học 2017-2018 tăng lên 28.710 trường; số giáo viên tăng gần 1,2 lần (đạt 853 nghìn giáo viên) và số lượng học sinh 18,7 triệu học sinh, trong đó, số học sinh trung học phổ thông là trên 2,5 triệu với tỷ lệ tốt nghiệp 97,94% (năm học 2016-2017); số học sinh trung học nghề và trung học chuyên nghiệp trong các năm 2016, 2017 khoảng gần 600 nghìn người. Như vậy, tổng số đã có trên 67% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương [6, tr.717-721].

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở được triển khai mạnh mẽ tại các địa phương đã tạo cơ hội và những điều kiện cơ bản để một bộ phận nhân dân được học ở các cấp bậc học cao hơn theo nhu cầu và khả năng, chú ý các khu vực đặc biệt khó khăn (vùng cao, vùng sâu, vùng xa), đối tượng là người dân tộc thiểu số, người nghèo và đối tượng chính sách xã hội. Cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học (năm 2000); đến cuối năm 2010, hầu hết các tỉnh, thành đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở; tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ toàn quốc là 95,1%; 100% tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non [6, tr.120]. Về cơ bản nước ta đã đạt được sự bình đẳng nam nữ trong giáo dục cơ sở. Công bằng xã hội trong giáo dục được cải thiện, đặc biệt đối với trẻ em gái, người dân tộc thiểu số và con em các gia đình nghèo, các đối tượng bị

thiệt thòi trong xã hội ngày càng được chú trọng. Giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa đã có những chuyển biến tích cực, tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhờ các chính sách giáo dục cho người dân tộc được ban hành và thực thi có hiệu quả.

Với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của học sinh và đội ngũ thầy cô giáo trên cả nước, ngành giáo dục cũng đã gặt hái được nhiều thành công từ nghiên cứu khoa học, giành nhiều huy chương từ các cuộc thi Olympic quốc tế và khu vực. Các đoàn học sinh Việt Nam tham dự kỳ thi Olympic Châu Á và quốc tế các môn văn hóa đạt thành tích cao với 38/38 học sinh phổ thông dự thi Olympic quốc tế và khu vực có huy chương. Đây là thành tích tốt nhất từ trước đến nay, trong đó có học sinh đạt số điểm cao nhất thế giới. Một số đội tuyển có thành tích ổn định, xếp thứ hạng cao trong các kỳ thi như Toán, Vật lý, Tin học. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, những năm gần đây, thành tích học sinh thi đấu ở các đấu trường quốc tế và khu vực năm sau được nâng cao so với năm trước và đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng bạn bè quốc tế về giáo dục phổ thông cũng như về đất nước, con người Việt Nam.

Ba là, quy mô giáo dục.

Quy mô giáo dục tăng nhanh, nhất là ở bậc đại học và đào tạo nghề, bước đầu đáp ứng nhu cầu của xã hội. Số lượng trường lớp đào tạo nghề tăng nhanh. Theo Tổng cục Thống kê năm 2018, Việt Nam có 235 trường đại học, học viện (bao gồm 170 trường công lập, 60 trường tư thục và dân lập, 5 trường có 100% vốn nước ngoài), 37 viện nghiên cứu khoa học được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ, 33 trường cao đẳng sư phạm và 2 trường trung cấp sư phạm. Bên cạnh đó, đào tạo trung cấp cũng

có bước phát triển tăng từ 238 trường năm 1996 lên 303 trường năm học 2017-2018. Cùng với sự gia tăng số lượng trường, lớp là sự gia tăng về quy mô đào tạo nguồn nhân lực, năm sau luôn cao hơn năm trước. Trong năm học 2017-2018, quy mô đào tạo nghề tăng 6 lần, đào tạo đại học, cao đẳng tăng gấp 3,5 lần. Đến năm 2017, cả nước có khoảng 1,21 triệu học viên sau đại học, 1,7 triệu sinh viên cao đẳng, đại học, 0,8 triệu học sinh học nghề [8, tr. 717]. Số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp tăng bình quân mỗi năm thêm 10-12%. Sự gia tăng về quy mô đào tạo ở Việt Nam thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để cung cấp cho các ngành, lĩnh vực kinh tế của đất nước. Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động Việt Nam đã từng bước được nâng lên. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo từ dưới 10% năm 1990 tăng lên 51,6% năm 2015 và 56% năm 2017 [6, tr.153]. Giáo dục và đào tạo đã tạo ra nguồn nhân lực có kỹ năng, nghiệp vụ trong nhiều ngành nghề của nền kinh tế, cả những ngành, nghề mới xuất hiện, phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở Việt Nam.

Bốn là, công tác xã hội hoá trong đào tạo nguồn nhân lực.

Sự phát triển nhanh chóng của các cơ sở giáo dục kỹ thuật, đào tạo đại học và cao đẳng với việc tăng ngân sách giáo dục và đào tạo cũng như việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho các địa phương nghèo, hộ nghèo và các đối tượng yếu thế đã tạo điều kiện cho lao động thành thị, nông thôn, người giàu và người nghèo đều có thể được tiếp cận các chương trình đào tạo và dạy nghề. Bên cạnh đó, các nguồn lực đầu tư cho giáo dục được đa dạng hoá với hình thức huy động linh hoạt, phù hợp với khả năng kinh tế và điều kiện của từng địa phương, từng

giai đoạn và cá nhân ngày càng mang lại hiệu quả tích cực trong việc đào tạo nguồn nhân lực của đất nước. Đồng thời, các loại hình trường lớp đã được đa dạng hoá, đã có thêm các loại hình trường lớp dân lập, tư thục. Các chương trình giáo dục từ xa qua các phương tiện thông tin đại chúng từng bước được tăng cường. Đối với các trường công, Nhà nước đã ban hành và từng bước hoàn thiện chế độ thu học phí và các khoản đóng góp khác, tạo thêm nguồn lực tài chính cho các trường này. Hệ thống trường lớp ngoài công lập tiếp tục được mở rộng, đã tạo điều kiện giảm bớt sức ép đối với các trường công và tạo cơ hội cho các lực lượng xã hội cùng với nhà nước tham gia vào sự nghiệp giáo dục.

Như vậy, sau hơn 30 năm đổi mới, giáo dục Việt Nam đã được được nhiều thành tựu quan trọng, đã hình thành được một hệ thống giáo dục quốc dân tương đối hoàn chỉnh, thống nhất và đa dạng hoá với đầy đủ các cấp học và trình độ đào tạo từ mầm non đến sau đại học; đặc biệt là tạo cơ hội, điều kiện học tập cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, con em gia đình nghèo có những bước tiến rõ rệt. Hệ thống giáo dục đã bước đầu được đa dạng hóa cả về loại hình, phương thức và nguồn lực, từng bước hội nhập với xu thế chung của giáo dục thế giới. Từ một hệ thống giáo dục chỉ có các trường công lập và chủ yếu là loại hình chính quy, đến nay đã có các trường ngoài công lập, có nhiều loại hình không chính quy, có các trường mở, có phương thức đào tạo từ xa, phương thức liên kết đào tạo với nước ngoài. Đánh giá những thành tựu phát triển giáo dục Việt Nam, Đảng ta khẳng định: “Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Hệ thống giáo dục và đào tạo các cấp từ cơ sở đến đại học, dạy nghề được tổ chức lại một bước. Chất lượng giáo dục và

đào tạo có tiên bộ. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được cải thiện và có bước hiện đại hóa. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh” [2, tr.113].

3. Những khó khăn, thách thức trong giáo dục Việt Nam

Một là, chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao vẫn còn hạn chế. Mặc dù ngành giáo dục trong những năm đổi mới có nhiều bước phát triển, nhưng chúng ta còn quá tập trung vào việc tăng số lượng, quy mô đào tạo mà chưa thật sự chú ý đến chất lượng. Chương trình, nội dung và phương pháp dạy học là yếu tố quyết định nhất đến việc nâng cao trình độ dân trí cũng như chất lượng của nguồn nhân lực. Song, cả chương trình, nội dung và phương pháp dạy học vẫn còn lạc hậu. Chúng ta quá chú trọng đến dạy kiến thức mà không quan tâm nhiều đến việc dạy kỹ năng, tác phong, văn hóa, đạo đức... cho người lao động. Dạy kiến thức thì chủ yếu thiên về lý thuyết; dạy thực hành rất ít, thường chỉ trong mấy tháng cuối khóa học. Mặc dù chúng ta cũng có nhiều nỗ lực để đổi mới phương pháp dạy học, khuyến khích sử dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, nhưng vì nhiều lí do mà phương pháp truyền thống vẫn chiếm ưu thế, phương pháp mới chưa tạo ra sự chuyển biến. Tất cả những hạn chế đó của ngành giáo dục và đào tạo thể hiện rõ nét trên sản phẩm của nó, đó chính là chất lượng của nguồn nhân lực còn thấp. Người lao động còn thiếu tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động và đạo đức nghề nghiệp, một bộ phận chậm thích nghi với cơ

chế thị trường, tính tổ chức và kỷ luật chưa tốt, trình độ vận dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ kém... Nói chung, người lao động Việt Nam còn thiếu nhiều phẩm chất, năng lực, kỹ năng so với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu rất gay gắt như hiện nay. So với các nước trong khu vực, thứ hạng về chất lượng nguồn nhân lực của nước ta là rất thấp. Nếu tính thang điểm 10 thì chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm, trong khi Hàn Quốc là 6,91 điểm; Ấn Độ là 5,76 điểm; Trung Quốc là 5,73 điểm; Malaysia là 5,59 điểm.

Hai là, cơ sở vật chất - kỹ thuật nhà trường còn thiếu thốn, lạc hậu. Trang thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy và học tập còn thiếu thốn, tình trạng dạy chay còn phổ biến. Số lượng máy tính còn ít, ở các vùng khó khăn, nhiều học sinh không có đủ sách giáo khoa. Trong những năm gần đây, quy mô giáo dục phát triển, số lượng các trường cao đẳng, đại học tăng mạnh trong khi đó các điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất nhà trường chưa phát triển nhưng vẫn tồn tại, tuyển sinh, rồi phát bằng thì thất nghiệp là điều không tránh khỏi. Theo thống kê của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội năm 2018, hơn 100.000 cử nhân thất nghiệp, vẫn còn 70.800 người trình độ cao đẳng cũng chưa có việc làm, trong khi đó 41% doanh nghiệp không tuyển dụng được đủ lao động có trình độ tay nghề cao; trong vòng 3 tháng đầu năm 2018, số lượng tìm kiếm công việc mới tăng khoảng 40% so với cùng kỳ năm 2017. Đây thực sự là một nghịch lý, là “nút thắt” đối với phát triển giáo dục Việt Nam hiện nay.

Ba là, công bằng trong giáo dục và đào tạo mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn bất cập. Điều này thể hiện ở việc đảm bảo giáo dục tối thiểu (phổ thông trung học cơ sở) tuy đã đạt được ở cấp quốc gia, song tỷ

lệ học sinh chưa đến trường còn cao, đặc biệt là ở các huyện miền núi, dân tộc thiểu số. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm có khoảng 3,6% học sinh trong độ tuổi không được đến trường. Tỷ lệ học sinh ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nạn bỏ học cao hơn so với các vùng kinh tế trọng điểm và các khu đô thị (Đồng bằng sông Hồng, tỷ lệ học sinh bỏ học là 2,96%; khu vực Tây Bắc là 6,91%; Tây Nguyên là 17,16% và Đồng bằng sông Cửu Long là 12,64%). Ở các vùng núi cao, số trẻ em gái không biết chữ ở nhóm 10 tuổi là 13,69%; nhóm 11-14 tuổi là 7,98%; nhóm 15-17 tuổi là 9,08%. Nếu tính theo nhóm dân tộc thì số trẻ em gái mù chữ người Mông là 90%, Hà Nhì 89%, Gia Rai 83%, Bana 82%...

Bốn là, đội ngũ giáo viên vừa yếu vừa thiếu và không đồng bộ. Người thầy đóng vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo, nhưng thực tế khi quy mô học sinh, sinh viên tăng nhanh đã gây nên sự bất cập giữa quy mô phát triển giáo dục với đội ngũ giáo viên, nhất là ở bậc mầm non và bậc đại học. Có hiện tượng vừa thiếu, vừa thừa giáo viên do không có sự đồng bộ về loại hình. Rất nhiều địa phương có tổng biên chế giáo viên đủ, thậm chí thừa, nhưng lại thiếu những loại hình giáo viên như ngoại ngữ, âm nhạc, kỹ thuật. Sự hẫng hụt về giáo viên trình độ cao ở các trường đại học ngày càng gia tăng, tuổi trung bình của giáo viên cao.

Năm là, quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém, bất cập chưa theo kịp sự đổi mới trên các lĩnh vực của đất nước. Một số thực trạng trên cho thấy, quá trình phát triển giáo dục và đào tạo ở nước ta thời gian qua đã có được những kết quả thành công không thể phủ nhận. Song, Việt Nam hiện nay đang thiếu một chiến lược tổng thể về xây dựng, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực quốc gia. Trong đó, hạn chế lớn nhất là các chiến lược phát triển

kinh tế và chiến lược phát triển nhân lực không đồng hành với nhau. Các cơ quan hoạch định chiến lược kinh tế và cơ quan hoạch định chiến lược xã hội chưa thực sự cùng nhau đi trên một con đường, cũng như thiếu nhạy bén trong việc tham mưu với Đảng về những vấn đề phức tạp mới nảy sinh, thiếu những quyết sách đồng bộ, hợp lý ở tầm vĩ mô để thúc đẩy phát triển giáo dục; một số chính sách về giáo dục còn chủ quan, duy ý chí, xa thực tế, thiếu sự đồng thuận của xã hội. Tư duy giáo dục chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới, phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Do đó, dẫn đến tình trạng thừa mà thiếu ở nhiều lĩnh vực đào tạo.

Sáu là, hệ thống giáo dục nặng về thi cử và sa sút đạo đức trong giáo dục khắc phục còn chậm đang trở thành nỗi bức xúc của xã hội. Hệ thống giáo dục còn nặng về thi cử gây áp lực cho thí sinh lẫn phụ huynh, dẫn đến tâm lý đối phó thường trực ở người học và những cuộc chạy đua thành tích của các thầy, cô, nhà trường và phụ huynh. Căn bệnh thành tích và gian lận trong thi cử đã và đang lan tràn trong giáo dục và xã hội. Vụ thầy giáo Đỗ Việt Khoa tổ cáo việc gian lận trong thi cử; đặc biệt từ trước đến nay, có lẽ chưa bao giờ có vụ án tiêu cực lớn như mùa thi 2018, đó là hàng trăm bài thi có can thiệp điểm số được phát hiện ở Hà Giang, Sơn La và Hòa Bình. Đây là những bằng chứng trung thực mà cũng rất đau lòng về giáo dục Việt Nam, gây nên những tổn thương về niềm tin vào một kỳ thi quan trọng với gần triệu thí sinh, hàng triệu người thân, hàng triệu giáo viên.

Giáo dục Việt Nam đã có một truyền thống lâu đời dựa trên phương châm “Tiên học Lễ, hậu học Văn”. Đó là một di sản quý báu. Mỗi thời đại giải thích phương châm này theo cách của mình, nhưng cái chung nhất vẫn là đề cao những giá trị đạo đức, đề cao việc làm người. Nhưng tiếc thay những

giá trị ấy đang bị mai một, với những hiện tượng diễn ra trong trong giáo dục dạy sống dư luận xã hội thời gian qua. Vụ gian lận thi cử khiến họ bàng hoàng, phần nộ thì liên tiếp những vụ bạo lực học đường với hình thức mới, mức độ nặng nề khiến họ đau lòng, mất niềm tin vào một bộ phận thầy cô. Sự việc phải kể đến, đó là cô giáo Trần Thị Minh Châu, Trường THPT Long Thới, huyện Nhà Bè bạo hành tinh thần học sinh bằng cách im lặng suốt 3 tháng năm 2018; cô giáo Trường tiểu học An Đồng, Hải Phòng xử phạt học sinh bằng cách cho uống nước giẻ lau bảng; tháng 11/2018 cô giáo Nguyễn Thị Phương Thủy, Trường THCS Duy Ninh, Quảng Bình xử phạt học sinh bằng cách cho tất cả học sinh trong lớp tát bạn 231 cái... Đau đớn và chấn động hơn là những ngày cuối tháng 11/2018, nhiều nam học sinh một trường phổ thông dân tộc nội trú ở Phú Thọ tố bị hiệu trưởng Đinh Bằng Mỹ hiếp dâm trong thời gian dài. Cơ quan chức năng đã xác minh và khởi tố Đinh Bằng Mỹ, cho thấy sự thật kinh hoàng đã được phơi bày.

Theo chiều hướng ngược lại là những sự vụ giáo viên bị học trò hoặc phụ huynh xâm phạm: Nam sinh Bến Tre nhục mạ và bóp cổ cô giáo trước mặt cả lớp; nam sinh Quảng Bình đâm thủng bụng thầy giáo. Đầu tháng 12, một nữ phụ huynh vào tận trường học ở Bạc Liêu chửi mắng và quay clip đăng Facebook xúc phạm thầy giáo vì cái quần của con gái bị mất và mới đây nhất là học sinh đánh thầy giáo phải nhập viện.

Những hiện tượng trên chính là một hồi chuông cảnh tỉnh nền giáo dục Việt Nam trước những suy thoái đạo đức của giáo dục hiện nay và cần phải nhanh chóng chấn chỉnh kịp thời nhằm xây dựng con người Việt Nam vừa “hồng” vừa “chuyên” phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Những khó khăn, thách thức trên đã được Đảng ta chỉ rõ: “Giáo dục và đào tạo chưa thực sự trở thành quốc sách hàng đầu, thành động lực của sự phát triển. Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp...; còn nặng về lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc” [2, tr.113-114].

Nguyên nhân chủ yếu là do: (1) Quan điểm về giáo dục là quốc sách hàng đầu chưa thực sự quán triệt đúng mức ở các cấp quản lý và chỉ đạo giáo dục. Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, sứ mệnh của giáo dục, chưa thấy hết trách nhiệm đối với giáo dục nên chưa ưu tiên thỏa đáng tạo điều kiện phát triển giáo dục; (2) Tư duy đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo ở nước ta trong những năm vừa qua, chưa thực sự đáp ứng tốt cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế dẫn đến nội dung, phương pháp giáo dục lạc hậu; chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp, chất lượng nguồn nhân lực bất cập, tỉ lệ lao động có trình độ chuyên môn cao, tay nghề giỏi còn ít. Ngành nghề đào tạo chưa thật sự gắn kết với nhu cầu thị trường lao động. Một bộ phận lao động trẻ được đào tạo chính quy chưa có việc làm hoặc làm những việc trái với ngành, nghề, lĩnh vực đào tạo; (3) Đội ngũ nhà giáo chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới, dẫn đến tình trạng đội ngũ giáo viên các cấp vừa thừa vừa thiếu và không cân đối về trình độ, chuyên môn. Ở các trường đại học, cao đẳng, số lượng thạc sĩ, tiến sĩ còn quá ít (chỉ chiếm khoảng 15%) nên chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực. Phương thức đào tạo trong các

nhà trường sư phạm chậm đổi mới, chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức của bộ phận nhà giáo chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Các cơ chế, chính sách đối với nhà giáo chưa thỏa đáng, chưa tạo động lực phấn đấu vươn lên trong bản thân mỗi người thầy; (4) Công tác xã hội hóa giáo dục còn chậm do Nhà nước chưa ban hành đồng bộ và đầy đủ các văn bản pháp quy và văn bản hướng dẫn hoạt động, cũng như sự phối hợp giữa các cơ quan trung ương với địa phương để quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập còn thiếu chặt chẽ.

4. Giải pháp phát triển giáo dục Việt Nam

Thứ nhất, đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp học, bậc học, cụ thể: Đối với giáo dục mầm non, tập trung phát triển trường, lớp ở khu công nghiệp, khu chế xuất; đẩy mạnh các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non, giảm bạo hành trẻ và giải quyết tình trạng thiếu giáo viên. Đối với cấp học phổ thông, cần đảm bảo cho mọi người dân trong độ tuổi đi học được đến trường, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa; tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Về nội dung giáo dục, trước hết phải chú trọng việc trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để học sinh chuẩn bị làm hành trang vào đời. Về phương pháp, cần sử dụng một cách phổ biến và triệt để các phương pháp giáo dục tiên tiến theo hướng kết hợp hiện đại với

truyền thống, làm tốt công tác hướng nghiệp, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các trường phổ thông với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và các trường dạy nghề trên địa bàn từng địa phương. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá đặc biệt là kỳ thi THPT quốc gia; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; triển khai đổi mới cơ chế quản lý trong các trường phổ thông. Đối với giáo dục nghề nghiệp, tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho việc xuất khẩu lao động. Tập trung đào tạo kỹ năng, chuyên môn dựa trên nhu cầu thực tế của mỗi địa phương khác nhau của cả nước thông qua các hình thức tự đào tạo, tăng cường liên kết các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo dựa trên nhu cầu. Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo lao động có trình độ phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong đó, tập trung nguồn nhân lực cho những ngành có hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng cao, đảm bảo nhu cầu lao động cao chất lượng cao cho những ngành nghề vốn là thế mạnh của Việt Nam phù hợp với bối cảnh của cuộc CMCN 4.0, đáp ứng nhu cầu của xã hội để tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo ngày càng tăng.

Gắn việc dạy và học với thực tiễn. Giáo dục cần phải mô phỏng và chuẩn bị cho người học bước vào cuộc sống thực tiễn càng nhiều càng tốt khi công nghệ đã làm cho khả năng tiếp cận kiến thức trở nên dễ dàng khiến kiến thức không còn mang ý nghĩa “bảo hiểm” cho tương lai của người học như trước đây. Một trong những cách tiếp cận phù hợp là tăng cường giáo dục khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học

(giáo dục STEM) trong nhà trường. Theo đó, học sinh sẽ được trang bị kiến thức gắn liền với những ứng dụng của chúng trong thực tiễn; được trải nghiệm tìm tòi, khám phá công nghệ gắn với kiến thức được học trong chương trình giáo dục; được khuyến khích sáng tạo khoa học, kỹ thuật nhằm cải thiện phát triển công nghệ mới. Đây là một cách tiếp cận liên môn nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng để người học có thể áp dụng để giải quyết vấn đề trong cuộc sống [8].

Từng bước chủ động tham gia tích cực và hiệu quả thị trường lao động kỹ thuật cao trong khu vực và quốc tế, trước hết là 8 ngành nghề (gồm nha khoa, điều dưỡng, kỹ thuật, xây dựng, kế toán, kiến trúc, khảo sát và du lịch) được tự do chuyển dịch trong Cộng đồng kinh tế ASEAN. Tiến hành tốt công tác dự báo nhu cầu và thị trường lao động cả trong ngắn hạn và dài hạn. Trên cơ sở chiến lược tổng thể về phát triển nguồn nhân lực, cần rà soát, hoàn thiện quy hoạch và thực hiện quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng và dạy nghề trong cả nước cho phù hợp.

Thứ hai, khuyến khích học tập suốt đời. Một trong những mục tiêu quan trọng nhất của giáo dục là phát hiện và nuôi dưỡng tài năng, khuyến khích sự theo đuổi, đam mê và nhu cầu học tập suốt đời của người học. Để đạt được mục tiêu này, một thay đổi lớn là cơ cấu lại hệ thống các trung tâm giáo dục thường xuyên và các trung tâm học tập cộng đồng, thay đổi các khuôn mẫu truyền thống để xây dựng các trung tâm học tập suốt đời. Đây cũng là giải pháp cơ bản thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục “Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập” theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW

của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI [8].

Thứ ba, đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Thực hiện phân quyền mạnh mẽ hơn cho các sở về quản lý giáo dục và đào tạo một cách phù hợp, rõ ràng nhằm phát huy sức sáng tạo của các tổ chức trong quản lý, điều hành và thực hiện các chính sách, chương trình nhằm phát huy vai trò của giáo dục và đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, xác định trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm cá nhân, nhất là chế độ chịu trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, phát huy tính tiên phong, trách nhiệm, gương mẫu cấp lãnh đạo trong việc thực hiện giáo dục và đào tạo. Giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và ngoài xã hội, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý các cấp, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

Thứ tư, xây dựng, phát triển đội ngũ giáo viên có chất lượng. Đây là khâu đột phá quyết định nhất chất lượng giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay, bởi chương trình, sách giáo khoa, thiết bị đầy đủ, thời lượng học hợp lý, nhưng giáo viên yếu năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức kém thì không thể dạy tốt và sẽ không có sản phẩm tốt. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên chuẩn bị cho 5 đến 10 năm tới... Tiến tới đạt các loại trình độ khác nhau như đại học, thạc sĩ gắn với năng lực và nghiệp vụ sư phạm. Hàng năm phải tiến hành rà soát lại kế hoạch đào tạo để sớm đưa đi đào tạo, kể cả đào tạo ở nước ngoài những cán bộ trẻ có khả năng và triển vọng trong giảng dạy và nghiên cứu, khắc

phục tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ, nâng cao đạo đức nhà giáo.

Thứ năm, hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, hiện đại và liên thông. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở và liên thông, chuẩn hóa, hiện đại hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội, trong đó đặc biệt coi trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao ở tất cả các cấp trình độ. Xây dựng một hệ thống giáo dục đa dạng về phương thức học tập, đảm bảo mọi người dân được học theo nguyện vọng của chính mình và được học suốt đời trong xã hội học tập. Phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng mở, hiện đại và liên thông là tiền đề cho phát triển khoa học, công nghệ, khai thác nhiều nhất và vận dụng có hiệu quả nguồn tri thức của dân tộc, của nhân loại và làm nền tảng cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như cho công cuộc xây dựng nền kinh tế tri thức ở nước ta; đồng thời, tăng cường hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra thực hiện luật pháp giáo dục và đào tạo để kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tiễn cuộc sống.

5. Kết luận

Trong thời đại ngày nay, khi nhân loại đang bước vào nền kinh tế tri thức và khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, đặc biệt là trong cuộc CMCN 4.0, giáo dục và đào tạo càng có vai trò và vị trí cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Song trong bối cảnh tụt hậu của nước ta hiện nay so với trình độ chung của khu vực và thế giới, nếu muốn đưa nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên

tiên trong khu vực, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, thì chúng ta phải nhanh chóng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phải có quyết tâm lựa chọn những cách làm bài bản, theo một lộ trình nhất định; xây dựng một hệ thống giáo dục thúc đẩy đổi mới và sáng tạo, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học tập suốt đời và khả năng phát triển lâu dài của người học. Hơn hết, việc phân bổ ngân sách một cách hiệu quả, đi kèm với cam kết chính trị mạnh mẽ đối với giáo dục và đào tạo sẽ tạo ra sự khác biệt cho tương lai của thế hệ trẻ Việt Nam [8].

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [3] Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển toàn diện con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.4, t.6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Tổng cục Thống kê (2018), *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2017*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [7] <https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/buc-tranh-giao-duc-viet-nam-sau-5-nam-doi-moi-can-ban-toan-dien-20181013111401235.htm>
- [8] <https://baomoi.com/giao-duc-viet-nam-trong-boi-canh-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu/c/27240667.epi>

